Số: 1150/QĐ-SGDĐT; 19/09/2024; 16:39:25

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG: 422

DỰ TOÁN BỔ SUNG THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1150 /QĐ-SGDT ngày 17/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số giao	Tổng số đã phân bổ	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG										
				KHỐI TRƯỜNG THPT	THPT MƯỜNG ẢNG	THPT MƯỜNG CHÀ	THPT TUẦN GIÁO	THPT THỊ XÃ MƯỜNG LAY	THPT THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ	THPT HUYỆN ĐIỆN BIÊN	THPT LÊ QUÝ ĐÔN	THPT TỦA CHÙA	THPT PHAN ĐÌNH GIÓT	THPT TRẦN CAN
				Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
A	B		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**		**-**											
1	**Số thu phí, lệ phí**		**-**	**-**										
1.1	Lệ phí													
1.2	Phí		-	-										
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**		**-**	**-**										
2.1	**Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo**													
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên													
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên													
II	**Dự toán chi NSNN**	**32.891**	**32.891**	**17.081**	**449**	**1.772**	**1.657**	**163**	**22**	**251**	**5**	**668**	**874**	**2.905**
1	**Sự nghiệp Giáo dục**	**21.337**	**21.337**	**17.081**	**449**	**1.772**	**1.657**	**163**	**22**	**251**	**5**	**668**	**874**	**2.905**
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	21.337	21.337	17.081	449	1.772	1.657	163	22	251	5	668	874	2.905
2	**Sự nghiệp đào tạo**	**11.554**	**11.554**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-	-										
	Trong đó: Tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương		-	-										
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11.554	11.554	-										

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG: 422

DỰ TOÁN BỔ SUNG THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1150 /QĐ-SGĐT ngày 17/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị Triệu đồng

STT	NỘI DUNG		CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG											
		THPT THANH CHĂN	THPT NÀ TẤU	THPT MƯỜNG LUÂN	THPT BÚNG LAO	THPT MƯỜNG NHÀ	THPT MÙN CHUNG	THPT MƯỜNG NHÉ	THPT CHÀ CANG	THPT TẢ SÌN THÀNG	THPT THANH NỨA	THPT NẬM PỒ	THPT LƯƠNG THẾ VINH
		Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
A	B	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	24	25
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**												
1	**Số thu phí, lệ phí**												
1.1	Lệ phí												
1.2	Phí												
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**												
2.1	**Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo**												
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
II	**Dự toán chi NSNN**	**156**	**-**	**748**	**989**	**355**	**491**	**2.379**	**812**	**639**	**282**	**425**	**-**
1	**Sự nghiệp Giáo dục**	**156**	**-**	**748**	**989**	**355**	**491**	**2.379**	**812**	**639**	**282**	**425**	**-**
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	156	-	748	989	355	491	2.379	812	639	282	425	-
2	**Sự nghiệp đào tạo**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
	Trong đó: Tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương												
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG: 422

DỰ TOÁN BỔ SUNG THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1150 /QĐ-SGĐT ngày 17/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG			CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG									
		THCS-THPT QUẢI TỞ	THCS-THPT QUYẾT TIẾN	PTDTNT TỈNH	KHỐI TRƯỜNG DTNT HUYỆN	DTNT HUYỆN ĐIỆN BIÊN	DTNT HUYỆN TỦA CHÙA	DTNT HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG	DTNT HUYỆN TUẦN GIÁO	DTNT HUYỆN MƯỜNG CHÀ	DTNT HUYỆN MƯỜNG NHÉ	DTNT HUYỆN MƯỜNG ẢNG	DTNT HUYỆN NẬM PỒ
		Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
A	B	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				-								
1	**Số thu phí, lệ phí**				-								
1.1	Lệ phí												
1.2	Phí				-								
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				-								
2.1	**Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo**												
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
II	**Dự toán chi NSNN**	**-**	**1.039**	**845**	**3.411**	**-**	**483**	**680**	**292**	**686**	**192**	**900**	**178**
1	**Sự nghiệp Giáo dục**	**-**	**1.039**	**845**	**3.411**	**-**	**483**	**680**	**292**	**686**	**192**	**900**	**178**
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	1.039	845	3.411	-	483	680	292	686	192	900	178
2	**Sự nghiệp đào tạo**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				-								
	Trong đó: Tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương				-								
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				-								

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG: 422

DỰ TOÁN BỔ SUNG THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1150/QĐ-SGĐT ngày 17/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG				CHI TIẾT THEO TỪNG ĐƠN VỊ SỬ DỤNG										GHI CHÚ
		TRUNG TÂM GDTX TỈNH	TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC	TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÒA NHẬP	TRƯỜNG CĐSP TỈNH	VĂN PHÒNG SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO									
		Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 490-khoản 093	TỔNG SỐ	Loại 340 khoản 341	Loại 070 khoản 072	Loại 070 khoản 074	Loại 070 khoản 081	Loại 070 khoản 084	Loại 070 khoản 085	Loại 070 khoản 093		
A	B	38	41	43	44	45	48	49	51	52	53	54	55		55
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**														
1	**Số thu phí, lệ phí**														
1.1	Lệ phí														
1.2	Phí														
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**														
2.1	**Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo**														
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên														
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên														
II	**Dự toán chi NSNN**	**-**	**-**	**-**	**11.554**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		
1	**Sự nghiệp Giáo dục**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-		-			-						
	Trong đó: Tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	-	-	-		-									
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-		-		-	-	-					
2	**Sự nghiệp đào tạo**	**-**	**-**	**-**	**11.554**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-			-	-									
	Trong đó: Tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	-			-	-									
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-			11.554	-				-	-	-	-		